TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Hà

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Bích L; Sinh năm: 1988
Địa chỉ: Tổ 6, Ấp Kinh 5A, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Duy M; Sinh năm: 1983
Địa chỉ: Khu phố 1 T, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2024 và bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Bích L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Duy M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/7/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là thị trấn K), huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng cung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến năm 2014 thì chị về bố mẹ tại tỉnh K để sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Trà M, sinh ngày 13/01/2007 và Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 10/6/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì các cháu vẫn ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2024, bị đơn anh Lê Duy M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị Bích L có đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì sảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Trà M, sinh ngày 13/01/2007 và Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 10/6/2013. Ly hôn, anh đồng ý giao 02 con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản và nợ chung: Anh M không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Bích L được ly hôn anh Lê Duy M; Về con chung: Giao cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 13/01/2007 và Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 10/6/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh M xin vắng mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh M theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị L và anh M đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị L và anh M vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh M.

[5]. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Bích L và anh Lê Duy M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/7/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là thị trấn K), huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, chị L về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh K để sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị L và anh M đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Đến nay, chị L và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đinh Thị Bích L và anh Lê Duy M được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Trà M, sinh ngày 13/01/2007 và Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 10/6/2013. Từ khi chị L và anh M sống ly thân thì các cháu vẫn ở với mẹ. Bản thân các cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị L và anh M. Giao cháu Trà M và cháu Bảo T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[7]. Về tài sản: Chị L và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Bích L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Bích L và anh Lê Duy M được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Trà M, sinh ngày 13/01/2007 và Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 10/6/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số 0002441, ngày 06/11/2024. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Đinh Thị Bích L và anh Lê Duy M. Chị L và anh M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND thị trấn K;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc